

Chương :

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

# Nội dung nghiên cứu

- ◆ Bản chất NHTM
- ◆ Chức năng NHTM
- ◆ Phân loại NHTM
- ◆ Quản lý và sử dụng vốn NHTM
- ◆ Thu nhập, chi phí và lợi nhuận NHTM

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

## 1. Khái niệm và chức năng NHTM

Là một tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan, nhằm mục đích lợi nhuận.

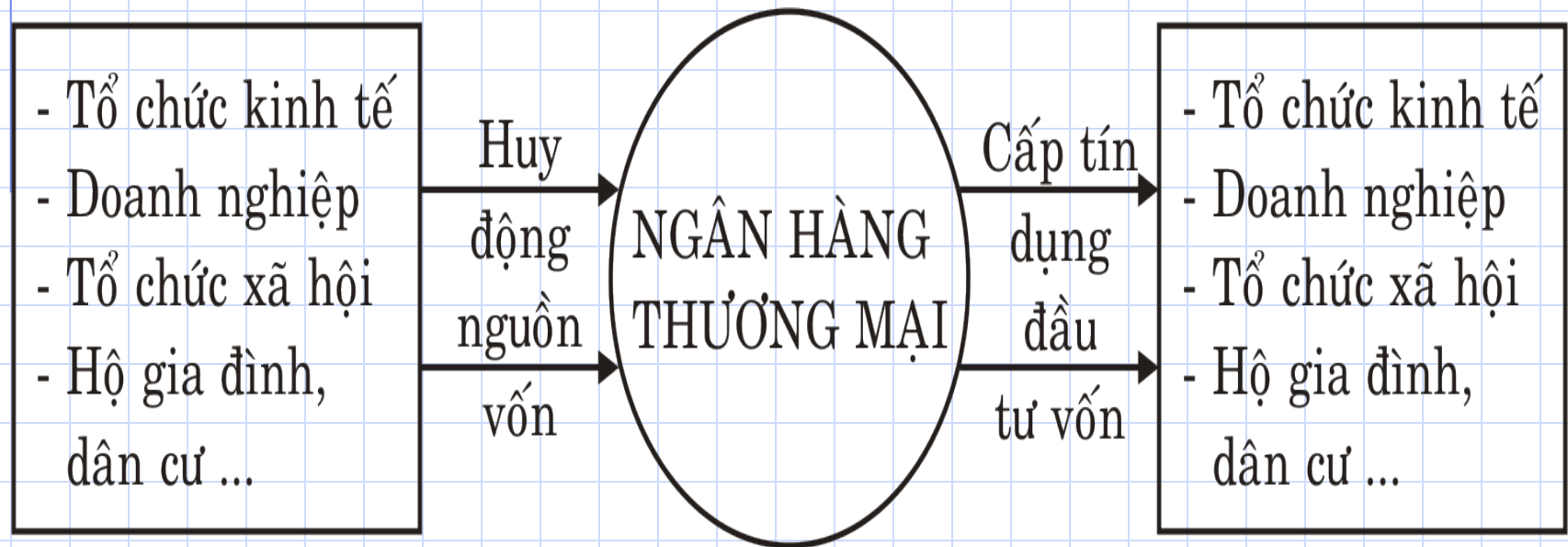
*Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung chủ yếu và thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ thanh toán”.*

# CHỨC NĂNG NGÂN HÀNG THƯƠNG Mại

- NHTM có các chức năng cơ bản sau:
  - ◆ Chức năng trung gian tín dụng
  - ◆ Chức năng trung gian thanh toán
  - ◆ Chức năng tạo tiền bút tệ

# CHỨC NĂNG TRUNG GIAN TÍN DỤNG

- ◆ Ngân hàng thương mại là cầu nối giữa những người có vốn dư thừa và những người có nhu cầu về vốn



# TRUNG GIAN TÍN DỤNG(tt)

Huy động các nguồn vốn từ các chủ thể tiết kiệm, có vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế

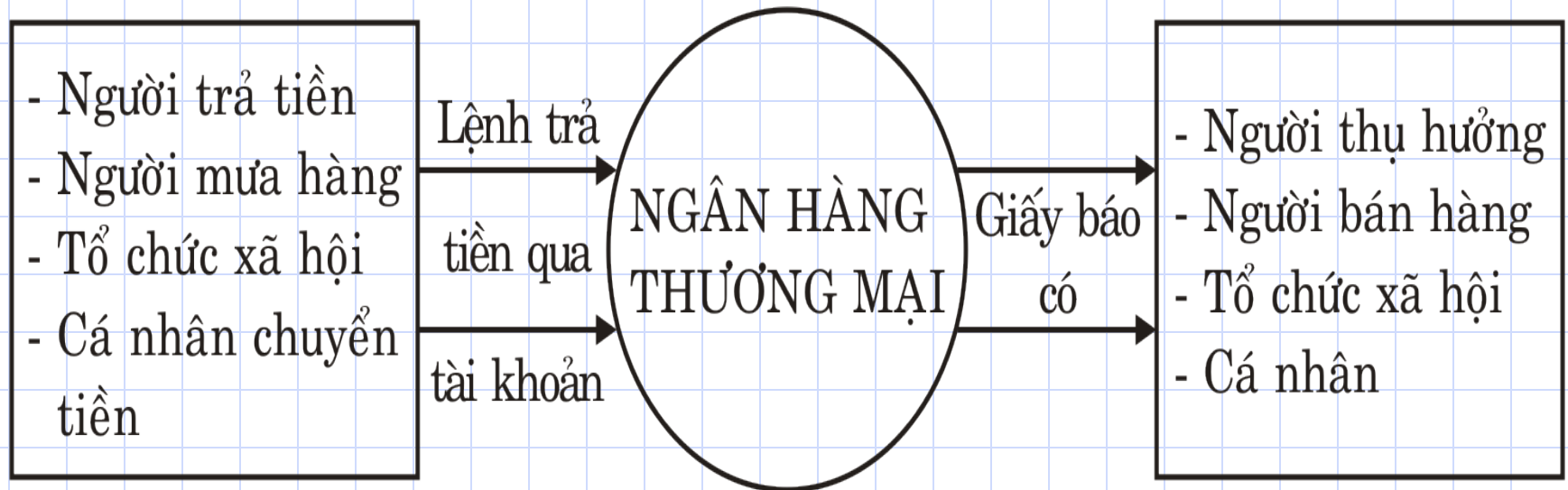
Cấp tín dụng đầu tư đáp ứng nhu cầu về vốn cho các chủ thể trong nền kinh tế xã hội

## ◆ Ý nghĩa

- ✓ Đối với người gửi tiền: tận dụng vốn tạm thời nhàn rỗi và tạo ra thu nhập dưới hình thức lãi tiền gửi.
- ✓ Đối với người vay: họ sẽ thỏa mãn được nhu cầu về vốn để kinh doanh, chi tiêu, thanh toán
- ✓ Đối với bản thân ngân hàng: ngân hàng sẽ tìm kiếm được khoản lợi nhuận từ chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi hoặc hoa hồng môi giới
- ✓ Đối với nền kinh tế: việc cung cấp tài chính cho các doanh nghiệp đã khuyến khích sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng sản lượng và giảm nhập khẩu hàng hóa

# TRUNG GIAN THANH TOÁN

- ◆ Ngân hàng thực hiện chức năng trung gian thanh toán làm cho nó trở thành thủ quỹ cho khách hàng. khi đó NHTM thực hiện theo yêu cầu của khách hàng như trích một khoản tiền trên tài khoản tiền gửi để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc nhập vào một khoản tiền gửi của khách hàng từ bán hàng hóa hoặc các khoản thu khác.



# TRUNG GIAN THANH TOÁN(tt)

- ◆ Ngân hàng thực hiện các nhiệm vụ
  - ✓ Mở tài khoản tiền gửi giao dịch cho khách hàng
  - ✓ Quản lý và cung cấp các phương tiện thanh toán cho khách hàng
  - ✓ Tổ chức và kiểm soát quy trình thanh toán giữa các khách hàng



# TẠO TIỀN BÚT TỆ

- ◆ Khi kết hợp chức năng trung gian tín dụng và chức năng trung gian thanh toán tạo cho ngân hàng thương mại khả năng tạo ra tiền ghi sổ thể hiện trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng tại ngân hàng thương mại. Từ một lượng tiền gửi ban đầu, qua nghiệp vụ cho vay dưới hình thức chuyển khoản, đã làm cho số dư trên tài khoản tiền gửi trong hệ thống ngân hàng thương mại tăng lên.

# TẠO TIỀN BÚT TỆ (tt)

## Bảng tóm tắt quá trình tạo tiền của các ngân hàng trung gian

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc: 10% (Đơn vị tính: đồng)

Tên ngân hàng	Số tiền gửi nhận nội	Số tiền đối trữ bắt buộc	Số tiền còn lại cho vay ra tối đa
A	1.000	100	900
B	900	90	810
C	810	81	729
...	...	...	...
Tổng cộng	10.000	1.000	9.000

# PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

- ◆ Căn cứ vào phạm vi hoạt động và tính chất kinh tế
  - ✓ Ngân hàng thương mại chuyên doanh
  - ✓ Ngân hàng thương mại hỗn hợp
- ◆ Căn cứ vào tính chất sở hữu
  - ✓ Ngân hàng thương mại quốc doanh
  - ✓ Ngân hàng thương mại cổ phần
  - ✓ Ngân hàng thương mại liên doanh
  - ✓ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

# CƠ CẤU TỔ CHỨC NHTM

## ◆ Hệ thống NHTM ở Việt nam bao gồm:

- ✓ 5 NHTM quốc doanh
- ✓ 1 NH chính sách
- ✓ 1 NH đầu tư
- ✓ 37 NHTM cổ phần (25 NHTM CP đô thị; 12 NHTM CP nông thôn)
- ✓ 4 NHTM liên doanh
- ✓ 28 Chi nhánh NHTM nước ngoài
- ✓ 43 Văn phòng đại diện

## ◆ Cơ cấu tổ chức

# QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA NHTM

Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn

Bảng cân đối tài sản của ngân hàng thương mại

<b>Tài sản (vốn kinh doanh)</b>	<b>Nguồn vốn</b>
<ol style="list-style-type: none"><li>1. Các khoản vốn bằng tiền</li><li>2. Vốn tín dụng</li><li>3. Vốn tài sản phục vụ kinh doanh ngân hàng</li><li>4. Vốn nhà đầu tư chính</li></ol>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Nguồn vốn của ngân hàng (<i>voán ñiêu leä, các quỹ và lợi nhuận chia phân phối</i>)</li><li>2. Nguồn vốn tín dụng (<i>các loại tiền gửi, vốn vay, phát hành chứng khoán</i>)</li></ol>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>

# QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA NHTM

Tại sân còu	Tại sân nôï	
- Tiền mặt và tiền gửi tại các NH 2.300	- Các loại tiền gửi 17.583	
- Tiền gửi tại NHTW 425	+ Tiền gửi không kỳ hạn 3.831	
- Chứng khoán đầu tư 3.002	+ Tiền gửi có kỳ hạn 10.918	
- Chứng khoán giao dịch trên TTTT 96	+ Tiền gửi trên TTTT 1.965	
- Tổng số cho vay 15.412	- Các khoản vay 3.189	
Dự phòng tổn thất tín dụng (232)	+ Vay NHTW 1.836	
- Tài trợ thuê mua 150	+ Vay NH khác 1.353	
- Thiết bị và bất động sản 363	- Nội khác 534	
- Nợ của khách hàng theo thương phiếu chấp nhận thanh toán 111	<b>Toảng nôï</b> 21.306	
- Tài sân khác 1.059	- <b>Voán chuũ sôũ hõũ</b> 1.280	
	Cổ phiếu thông + ỏũ ãũũ 213	
	Lõũnhuãũ 601	
	Các quyũ 466	

# Quản lý nguồn vốn kinh doanh của NH

## ◆ Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng

- ✓ **Nguồn vốn của ngân hàng:** vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối
- ✓ **Nguồn vốn huy động**
  - + Nguồn vốn huy động tiền gửi: có kỳ hạn, không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm.
  - + Nguồn vốn vay: phát hành kỳ phiếu Nh, vay NHTW, vay NHTM khác...
  - + Các nguồn vốn vay khác

# Quản lý nguồn vốn kinh doanh của NH (tt)

Thử thách:

- ◆ Sự Ổn định, rủi ro thấp
- ◆ Tối đa hóa lợi nhuận, chi phí thấp

*Quản lý nguồn vốn kinh doanh NH là sự cân nhắc thường xuyên giữa các rủi ro cũng như chênh lệch giữa chi phí huy động vốn và mức sinh lời có được khi sử dụng vốn vào các hoạt động tín dụng và đầu tư.*

- ◆ Xác định tỷ lệ an toàn về vốn tối thiểu: duy trì một tỷ lệ an toàn giữa nguồn vốn tự có so với tổng “tài sản có” có rủi ro
- ◆ Quản lý tài sản nợ: điều chỉnh cơ cấu quy mô giữa các nguồn vốn có tính ổn định chi phí cao và nguồn vốn không ổn định, chi phí thấp theo mục tiêu và chiến lược kinh doanh.



# Quản lý vốn kinh doanh NH

## ◆ Cơ cấu vốn kinh doanh của ngân hàng

- ✓ Vốn tài sản phục vụ kinh doanh ngân hàng
- ✓ Vốn bằng tiền: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NH, TCTD khác, gửi tại NHTW
- ✓ Vốn tín dụng
- ✓ Vốn đầu tư tài chính tài chính

# Quản lý vốn kinh doanh NH

## ◆ Mục tiêu:

- ✓ Hạn chế rủi ro
- ✓ Tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả cao
- ✓ Đảm bảo sự tồn tại, phát triển
- ✓ Nâng cao năng lực cạnh tranh

## ◆ Nội dung quản lý nhằm hạn chế các rủi ro:

- ✓ Rủi ro tín dụng.
- ✓ Rủi ro thanh toán.
- ✓ Rủi ro thị trường.
- ✓ Rủi ro lãi suất.
- ✓ Rủi ro thu nhập.
- ✓ Rủi ro phá sản.

# Quản lý vốn kinh doanh NH(tt)

- ◆ **Rủi ro tín dụng:** là các khoản cho vay của ngân hàng giảm giá trị hay không thu hồi được
- ◆ **Để đo lường rủi ro thường dùng bốn chỉ tiêu sau:**
  - ✓ Tỷ số giữa giá trị các khoản nợ quá hạn so với tổng dư nợ cho vay và cho thuê
  - ✓ Tỷ số giữa các khoản xoá nợ rỗng so với tổng cho vay và cho thuê
  - ✓ Tỷ số giữa phân bổ dự phòng tổn thất tín dụng hàng năm so với tổng số cho vay và cho thuê hay với tổng vốn chủ sở hữu.
  - ✓ Tỷ số giữa dự phòng tổn thất tín dụng so với tổng số cho vay và cho thuê hay với tổng vốn chủ sở hữu.
- ◆ **Các chỉ tiêu giới hạn tín dụng**
  - ✓ Tỷ số giữa tổng dư nợ cho vay của ngân hàng đối với một khách hàng hay một nhóm khách hàng so với vốn tự có của ngân hàng.
  - ✓ Tỷ số giữa tổng dư nợ cho vay và bảo lãnh của ngân hàng đối với một khách hàng hay một nhóm khách hàng với vốn tự có của ngân hàng.

# Quản lý vốn kinh doanh NH(tt)

- ◆ **Rủi ro thanh toán:** là tình trạng thiếu tiền mặt và không có khả năng vay mượn để đáp ứng yêu cầu rút tiền gửi, vay vốn cũng như những nhu cầu về tiền mặt khác
- ◆ Các chỉ số đo lường rủi ro thanh khoản gồm:
  - ✓ Tỷ số giữa vốn tín dụng trên tổng tài sản
  - ✓ Tỷ số giữa tiền mặt và số dư tiền gửi tại các ngân hàng khác so với tổng tài sản.
  - ✓ Tỷ số giữa tiền mặt và các chứng khoán của chính phủ so với tổng tài sản.
  - ✓ Tỷ lệ “tài sản có” có khả năng thanh toán ngay và các tài sản nợ đến hạn thanh toán cho từng khoảng thời gian

# Quản lý vốn kinh doanh NH(tt)

- ◆ **Rủi ro thị trường** : sự thay đổi lãi suất sẽ gây ra những khó khăn lớn cho các nhà quản lý danh mục tài sản đầu tư của ngân hàng.
- ◆ Các chỉ số quan trọng phản ánh rủi ro thị trường gồm:
  - ✓ Tỷ số giữa giá trị sổ sách so với giá thị trường ước tính của các tài sản ngân hàng.
  - ✓ Tỷ số giữa các khoản cho vay và chứng khoán với lãi suất cố định so với các khoản cho vay và chứng khoán có lãi suất thả nổi.
  - ✓ Tỷ số giữa các nguồn vốn lãi suất cố định so với các nguồn vốn lãi suất thả nổi.
  - ✓ Tỷ số giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của nguồn vốn chủ sở hữu.

# Quản lý vốn kinh doanh NH(tt)

- ◆ **Rủi ro lãi suất:** rủi ro lãi suất được xem là rủi ro tiềm tàng và nguy hiểm nhất, khó có thể loại bỏ được hoàn toàn, gồm:
  - ✓ *Rủi ro về giá*
  - ✓ *Rủi ro tái đầu tư*
- ◆ **Các biện pháp đo lường rủi ro lãi suất:**
  - ✓ *Tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất với nguồn vốn nhạy cảm lãi suất*
  - ✓ *Tỷ số giữa tiền gửi không được bảo hiểm trên tổng số tiền gửi*

# Quản lý vốn kinh doanh NH(tt)

- ◆ **Rủi ro thu nhập**: thu nhập của ngân hàng có thể giảm tác động đến kết quả kinh doanh của ngân hàng.
- ◆ **Rủi ro phá sản**: là hệ quả các loại rủi ro trên.
- ◆ Có thể đo lường qua các yếu tố cơ bản sau:
  - ✓ *Chênh lệch giữa lãi suất các loại giấy nợ do ngân hàng phát hành so với chứng khoán chính phủ cùng kỳ hạn*
  - ✓ Tỷ số giữa giá và thu nhập cổ phiếu hàng năm của ngân hàng
  - ✓ Tỷ số giữa vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản của ngân hàng
  - ✓ Tỷ số giữa nguồn vốn vay so với tổng nguồn vốn huy động.

# Thu nhập và phân phối thu nhập NH

## Thu nhập của bao gồm:

- ◆ Nguồn thu từ lãi cho vay
- ◆ Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư tài chính
- ◆ Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối
- ◆ ....

## Chi phí hoạt động kinh doanh của ngân hàng

- ◆ Chi phí trả lãi tiền vay
- ◆ Chi phí cho các hoạt động đầu tư tài chính
- ◆ Dự phòng tổn thất ro rủi
- ◆ Các khoản chi phí thường xuyên phát sinh trong quá trình kinh doanh
  - ✓ Khấu hao TSCĐ
  - ✓ Chi phí nhân viên
  - ✓ Chi phí quản lý kinh doanh
  - ✓ Các khoản chi phí bằng tiền khác
  - ✓ ....



# Thu nhập và phân phối thu nhập NH

- **Lợi nhuận trong kỳ được xác định theo công thức**

Tổng thu nhập – Tổng chi phí

- **Phân phối lợi nhuận này được thực hiện theo trình tự:**

✂ Nộp thuế thu nhập theo quy định

Lợi nhuận – Thuế = Lợi nhuận sau thuế

◆ Trích bù đắp các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ để bảo toàn vốn

◆ Trích lập các quỹ chuyên dùng

✓ Quỹ dự phòng hạn chế rủi ro

✓ Quỹ bổ sung vốn điều lệ

✓ Quỹ phúc lợi khen thưởng

✓ Và các quỹ chuyên dùng khác

◆ Chia lãi liên doanh, chia cổ tức, nộp NSNN

# Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH

*Tỷ lệ về hiệu suất sử dụng vốn*

$$\frac{\text{Thunhaäpö}}{\text{Toántgöiaû}} = \frac{\text{Thunhaäpö}}{\text{Thunhaäpö}} + \frac{\text{Thunhaäpö}}{\text{Toántgöiaû}}$$

*Tỷ lệ tài sản sinh lời*

$$\frac{\text{Tyûeäöiaû}}{\text{sinhlôø}} = \frac{\text{Toántgöiaûsinhlôø}}{\text{Toántgöiaû}} + \frac{\text{Caùkhoaûmôvay caùkhoaûmô}}{\text{thueäññaàtöchöùnkhoaûn}} + \frac{\text{Caùkhoaûmôvay caùkhoaûmô}}{\text{Toántgöiaû}}$$

*Các chỉ số chủ yếu phản ánh khả năng sinh lời trong hoạt động NH*

$$\frac{\text{Tyûeäöiaû}}{\text{toántgöiaû}} \text{ (ROA)} = \frac{\text{Thunhaäpöthueä}}{\text{Toántgöiaû}}$$

$$\frac{\text{Tyûeäöiaû}}{\text{voáçhusôñhöø}} \text{ (ROE)} = \frac{\text{Thunhaäpöthueä}}{\text{Voáçhusôñhöø}}$$

# Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH

## Tỷ lệ thu nhập trên tài sản

$$\text{Tỷ lệ thu nhập trên tài sản} = \frac{\text{Thu nhập trước chi phí lãi cho thuê tài sản}}{\text{Tổng tài sản}}$$

## Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng tài sản

$$\text{Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng tài sản} = \frac{\text{Thu nhập ngoài lãi trước chi phí ngoài lãi}}{\text{Tổng tài sản}}$$

# Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH

*Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên*

$$\text{Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên} = \frac{\text{Toàn bộ thu nhập hoạt động} - \text{Toàn bộ chi phí hoạt động}}{\text{Toàn bộ sản phẩm}}$$

*Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên*

$$\text{Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên} = \frac{\text{Thu nhập thuần túy}}{\text{Toàn bộ sản phẩm}} - \text{Chi phí cố định}$$